

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAK PƠ**

Số: 26 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đak Pơ, ngày 22 tháng 10 năm 2021*

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ  
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện Đak Pơ khóa III, kỳ họp thứ Mười lăm về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện Đak Pơ về việc đề nghị điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán một số nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết, dự toán còn lại sau khi hết nhiệm vụ chi là 1.739.197.000 đồng (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Bổ sung dự toán một số nhiệm vụ chi cần thiết (*Phụ lục II kèm theo*) trong đó: bổ sung dự phòng ngân sách cấp huyện là 1.238.139.000 đồng; Bổ sung các nhiệm vụ chi cần thiết là 459.400.000 đồng; Bổ sung nhiệm vụ chi từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 940.000.000 đồng.



## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện, Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ khóa IV, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện; UBNDTTQVN huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Các cơ quan Tỉnh, TW trên địa bàn huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- VP Huyện ủy; VP HĐND và UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Kho bạc Nhà nước Đak Pơ;
- Trung tâm VH, TT và TT; Công TTĐT huyện (công bố)
- Lưu: VT.

(b/cáo)



**CHỦ TỊCH**

**Ngô Khắc Ngọc**



## PHỤ LỤC I

### ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 MỘT SỐ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHI

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND huyện Đak Pơ)

ĐVT: 1.000 đồng

| Stt      | Đơn vị dự toán/nhiệm vụ chi được giao dự toán                                                                                                                             | Số tiền       | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Văn phòng HĐND &amp; UBND huyện</b>                                                                                                                                    | <b>81.974</b> |         |
| a        | Mua sắm, trang bị cho phòng họp Thường trực HĐND huyện và phòng họp UBND huyện                                                                                            | 2.974         |         |
| b        | Cổng thông tin điện tử                                                                                                                                                    | 25.000        |         |
| c        | Kinh phí xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật                                                                                                           | 10.000        |         |
| d        | Kinh phí hoạt động Đội phòng cháy chữa cháy                                                                                                                               | 12.000        |         |
| e        | Kinh phí hoạt động Nhà khách UBND huyện                                                                                                                                   | 5000          |         |
| f        | Các nhiệm vụ quản lý nhà nước về y tế: Khám sức khỏe tuyển sinh quân sự, Khám sức khỏe NVQS, Khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí của Ban quân dân y, kiểm tra liên ngành | 27.000        |         |
| <b>3</b> | <b>Phòng Nội vụ</b>                                                                                                                                                       | <b>81.932</b> |         |
| a        | Quản lý nhà nước                                                                                                                                                          | 2.012         |         |
|          | + Kiểm tra liên ngành                                                                                                                                                     | 2.012         |         |
| b        | Sự nghiệp lưu trữ                                                                                                                                                         | 79.920        |         |
|          | + Đề án chỉnh lý tài liệu tồn đọng giai đoạn 2004-2016                                                                                                                    | 79.920        |         |
| <b>4</b> | <b>Phòng Văn hóa - Thông tin</b>                                                                                                                                          | <b>23.500</b> |         |
| a        | Đảm bảo xã hội                                                                                                                                                            | 23.500        |         |
|          | + Chi tổ chức kỷ niệm 67 năm chiến thắng Đak Pơ                                                                                                                           | 23.500        |         |
| <b>5</b> | <b>Phòng Nông nghiệp và phát triển NT</b>                                                                                                                                 | <b>35.400</b> |         |
| a        | Quản lý nhà nước                                                                                                                                                          | 35.400        |         |
|          | + Kiểm tra liên ngành                                                                                                                                                     | 3.560         |         |
|          | + Kinh phí hoạt động Ban Chỉ đạo xử lý đất lâm nghiệp bị lấn chiếm và trồng lại rừng giai đoạn 2017-2020                                                                  | 4.840         |         |
|          | + Tổ chức phiên chợ nông sản An toàn năm 2021                                                                                                                             | 27.000        |         |
| <b>6</b> | <b>Phòng Lao động Thương binh và XH</b>                                                                                                                                   | <b>64.862</b> |         |
| a        | Quản lý nhà nước                                                                                                                                                          | 21.962        |         |
|          | + Kinh phí hoạt động Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ                                                                                                                         | 5.650         |         |
|          | + Tổ chức các hoạt động trẻ em                                                                                                                                            | 12.312        |         |
|          | + Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo giảm nghèo và BCD Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn                                                                              | 4.000         |         |

| Stt       | Đơn vị dự toán/nhiệm vụ chi được giao dự toán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số tiền        | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------|
| b         | Đảm bảo xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 42.900         |         |
|           | + Kinh phí thăm tặng quà đối tượng Người có công, tổ chức các hoạt động nhân ngày Thương binh liệt sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                | 25.800         |         |
|           | + Các khoản chi cho đối tượng có công đi tham quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3.600          |         |
|           | + KP tổ chức tập huấn nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 13.500         |         |
| <b>7</b>  | <b>Phòng Tài nguyên-Môi trường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>229.186</b> |         |
| a         | Sự nghiệp kinh tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 229.186        |         |
|           | + Dự án "Đo đạc bổ sung, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khu đo chưa có bản đồ địa chính xã Cư An, huyện Đắk Pơ" và Dự án "Số hóa và chuyển hệ tọa độ bản đồ địa chính về hệ tọa độ VN-2000; đo đạc, lập bản đồ địa chính các QH phục vụ công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện" | 229.186        |         |
| <b>8</b>  | <b>Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>14.000</b>  |         |
| a         | Sự nghiệp giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 14.000         |         |
|           | + Kinh phí tổ chức các hội thi cho học sinh, giáo viên cấp huyện và tham gia cấp tỉnh, bồi dưỡng, tổ chức, tham gia học sinh giỏi,...                                                                                                                                                                                                                                | 14.000         |         |
| <b>9</b>  | <b>Phòng Dân tộc</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>20.000</b>  |         |
| a         | An ninh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 20.000         |         |
|           | + Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 20.000         |         |
| <b>10</b> | <b>Văn phòng Huyện uỷ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>18.838</b>  |         |
| a         | Kinh phí thực hiện Chỉ thị số 05 về Học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4.310          |         |
| b         | KP hoạt động của Ban Tuyên giáo (hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền miệng)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7.630          |         |
| c         | Công tác điều tra, nắm bắt nghiên cứu dư luận xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6.898          |         |
| <b>11</b> | <b>UB Mặt trận TQVN huyện</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>12.500</b>  |         |
| a         | Kinh phí đặc thù                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8.000          |         |
| b         | Kinh phí hoạt động Ban tư vấn pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4.500          |         |
| <b>12</b> | <b>BCH Huyện đoàn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>17.850</b>  |         |
| b         | Tổ chức các hoạt động cấp huyện, tham gia hoạt động cấp tỉnh,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 17.850         |         |
| <b>13</b> | <b>BCH Hội LH Phụ nữ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>57.300</b>  |         |



| Stt       | Đơn vị dự toán/nhiệm vụ chi được giao dự toán                                                                                                  | Số tiền          | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------|
| a         | Đại hội khóa IV nhiệm kỳ 2021-2026, KP tổ chức các hội thi, hội nghị, phổ biến giáo dục pháp luật, dự lễ tuyên thệ chiến sỹ mới, giám sát .... | 57.300           |         |
| <b>18</b> | <b>BCH Hội Nông dân</b>                                                                                                                        | <b>24.270</b>    |         |
| b         | Tổ chức các hoạt động phong trào, hội nghị,...                                                                                                 | 24.270           |         |
| <b>19</b> | <b>Công an huyện</b>                                                                                                                           | <b>15.500</b>    |         |
| a         | KP tham gia hội thao phòng cháy chữa cháy cấp tỉnh                                                                                             | 15.500           |         |
| <b>20</b> | <b>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên</b>                                                                                  | <b>27.658</b>    |         |
| a         | Kinh phí đào tạo                                                                                                                               | 27.658           |         |
| <b>21</b> | <b>Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao</b>                                                                                                | <b>438.000</b>   |         |
| a         | Sự nghiệp thể dục thể thao                                                                                                                     | 430.000          |         |
|           | + Chi hoạt động cấp huyện, tham gia cấp tỉnh, sửa chữa và mua sắm cho nhà thi đấu,...                                                          | 430.000          |         |
| b         | Sự nghiệp phát thanh, truyền hình                                                                                                              | 8.000            |         |
|           | + Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản                                                                                                           | 8.000            |         |
| <b>22</b> | <b>Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp</b>                                                                                                           | <b>28.116</b>    |         |
| a         | Sự nghiệp nông nghiệp                                                                                                                          | 28.116           |         |
|           | + Tiêu độc khử trùng nơi buôn bán động vật sống và sản phẩm động vật dạng tươi sống, tiêu độc khử trùng môi trường                             | 5.616            |         |
|           | + Tập huấn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi                                                                     | 22.500           |         |
| <b>23</b> | <b>Hội Cựu giáo chức</b>                                                                                                                       | <b>2.000</b>     |         |
| <b>24</b> | <b>Hội Khuyến học</b>                                                                                                                          | <b>46.311</b>    |         |
| <b>25</b> | <b>Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiêu tiên, tiết kiệm nước</b>                                                       | <b>500.000</b>   |         |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                               | <b>1.739.197</b> |         |





**PHỤ LỤC II**  
**NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC BỔ SUNG DỰ TOÁN**

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /Tr-HĐND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của HĐND huyện Đắk Pô)  
ĐVT: 1.000 đồng

| STT       | Nội dung nhiệm vụ chi được phân bổ dự toán                         | Đơn vị được giao dự toán                           | Số tiền          | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Bổ sung nhiệm vụ chi từ nguồn điều chỉnh giảm dự toán</b>       |                                                    | <b>1.697.539</b> |         |
| <b>1</b>  | <b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>                                       |                                                    | <b>159.400</b>   |         |
| 1.1       | Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục cấp nước                         | Đội Công trình giao thông                          | 159.400          |         |
| <b>2</b>  | <b>Quản lý hành chính</b>                                          |                                                    | <b>300.000</b>   |         |
| 2.1       | Mua sắm thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy                     | Văn phòng Huyện ủy                                 | 300.000          |         |
| <b>2</b>  | <b>Dự phòng NS cấp huyện</b>                                       |                                                    | <b>1.238.139</b> |         |
| <b>II</b> | <b>Bổ sung nhiệm vụ chi từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo</b> |                                                    | <b>940.000</b>   |         |
| 1         | Mua sắm thiết bị dạy học                                           | Phòng Giáo dục và Đào tạo                          | 500.000          |         |
| 2         | Mua sắm bàn ghế, bảng, kệ                                          | Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng                    | 190.000          |         |
| 3         | Mua sắm bàn ghế, bảng                                              | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Du       | 190.000          |         |
| 4         | Khắc phục thiệt hại do gió, bão                                    | Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi | 60.000           |         |

Cal